

Phụ lục số 01

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sông Mã)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán xã giao	Ghi chú
	Tổng số	208.752.000.000	208.752.000.000	
I	Chi thường xuyên	197.522.000.000	197.522.000.000	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	125.400.000.000	125.400.000.000	
2	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường		16.657.500.000	
3	Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, TD-TT, PTTH		2.969.000.000	
4	Chi sự nghiệp Y tế		4.062.000.000	
5	Chi đảm bảo xã hội		18.331.800.000	
6	Chi quản lý hành chính		25.780.700.000	
7	Chi an ninh - quốc phòng		4.321.000.000	
II	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.055.000.000	7.055.000.000	
III	Dự phòng ngân sách	4.175.000.000	4.175.000.000	

Phụ lục số 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sông Mã)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó				
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG
	Tổng số	208.752.000.000	7.055.000.000	195.032.000.000	4.175.000.000	2.490.000.000	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	6.587.790.000		6.587.790.000			
2	Ủy ban MTTQ xã	4.544.168.000		4.544.168.000			
4	Văn phòng HĐND&UBND xã	9.783.510.000		9.783.510.000			
5	Phòng Kinh tế	16.728.470.000		16.728.470.000			
6	Phòng Văn hóa - Xã hội	20.573.400.000		20.573.400.000			
7	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.445.420.000		1.445.420.000			
8	Trung tâm chính trị	1.393.480.000		1.393.480.000			
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	3.071.800.000		3.071.800.000			
9	Trạm y tế	4.012.000.000		4.012.000.000			
10	Công an xã	2.938.200.000		2.938.200.000			
11	Trường Mầm non Ánh Dương xã Nà Nghịu	12.602.830.000		12.602.830.000			
12	Trường Mầm non Thị trấn	14.335.714.000		14.335.714.000			
13	Trường PTDTBT Tiểu học Nà Nghịu	13.938.096.000		13.938.096.000			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó				
			Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG
14	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	8.297.100.000		8.297.100.000			
15	Trường Tiểu học Bản Mé xã Nà Nghịu	13.367.110.000		13.367.110.000			
16	Trường Tiểu học Thị trấn	13.224.500.000		13.224.500.000			
17	Trường PTDTBT THCS Nà Nghịu	16.585.770.000		16.585.770.000			
18	Trường THCS Chu Văn An	13.425.820.000		13.425.820.000			
19	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	5.676.822.000	-	5.676.822.000	-	-	
	Lĩnh vực Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.894.780.000		4.894.780.000			
	Lĩnh vực Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	200.000.000		200.000.000			
	Lĩnh vực Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, TD-TT, PTTT	60.000.000		60.000.000			
	Lĩnh vực Chi đảm bảo xã hội	350.000.000		350.000.000			
	Lĩnh vực Chi quản lý hành chính	122.042.000		122.042.000			
	Lĩnh vực Chi ANQP	50.000.000		50.000.000			
20	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục tại các công trình trường lớp học	11.000.000.000		11.000.000.000			
21	Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, mua sắm thiết chế văn hóa cho các bản	1.500.000.000		1.500.000.000			
20	Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	7.055.000.000	7.055.000.000				
22	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương	2.490.000.000				2.490.000.000	
23	Dự phòng ngân sách	4.175.000.000			4.175.000.000		

Phụ lục số 03

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Sông Mã)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó						
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, TD-TT, PTTH	Chi sự nghiệp Y tế	Chi đảm bảo xã hội	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh - quốc phòng
	Tổng số	176.855.178.000	108.010.220.000	16.357.500.000	1.329.000.000	4.012.000.000	17.861.800.000	25.063.658.000	4.221.000.000
1	Văn phòng Đảng ủy xã	6.587.790.000						6.587.790.000	
2	Ủy ban MTTQ xã	4.544.168.000						4.544.168.000	
3	Văn phòng HĐND&UBND xã	9.783.510.000						8.078.910.000	1.704.600.000
4	Phòng Kinh tế	16.728.470.000		14.390.700.000			176.000.000	2.161.770.000	
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	20.573.400.000	839.800.000		224.000.000		17.264.000.000	2.245.600.000	
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.445.420.000						1.445.420.000	
7	Trung tâm chính trị	1.393.480.000	1.393.480.000						
8	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	3.071.800.000		1.966.800.000	1.105.000.000				
9	Trạm y tế	4.012.000.000				4.012.000.000			
10	Công an xã	2.938.200.000					421.800.000		2.516.400.000
11	Trường Mầm non Ánh Dương xã Nà Nghịu	12.602.830.000	12.602.830.000						
12	Trường Mầm non Thị trấn	14.335.714.000	14.335.714.000						
13	Trường PTDTBT Tiểu học Nà Nghịu	13.938.096.000	13.938.096.000						
14	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	8.297.100.000	8.297.100.000						
15	Trường Tiểu học Bán Mé xã Nà Nghịu	13.367.110.000	13.367.110.000						
16	Trường Tiểu học Thị trấn	13.224.500.000	13.224.500.000						
17	Trường PTDTBT THCS Nà Nghịu	16.585.770.000	16.585.770.000						
18	Trường THCS Chu Văn An	13.425.820.000	13.425.820.000						